

Bản án số: 35/2021/DS-ST

Ngày 27-08-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thanh Cường

Ông Nguyễn Hữu Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 08 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 132/2020/TLST-DSTC ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 04 năm 2021, thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 14/TB-TA ngày 14/05/2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-DS ngày 22/06/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 11/2021/QĐST-DSTC ngày 27/07/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Phương Lạn 2, xã Phương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Mẫu Sơn, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Phương Lạn 2, xã Phương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Mẫu Sơn, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 05/10/2020 cùng các lời khai và tại phiên toà nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày: Ông và vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T có quan hệ quen biết. Vợ chồng ông T, bà T có vay tiền của vợ chồng ông số tiền gốc là 55.000.000 đồng ngày 22/10/2011 (âm lịch). Khi vay có viết giấy tờ vay nợ, thời hạn vay là 05 tháng và có thoả thuận lãi suất là 02%/tháng. Khi vay ông T có để lại một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp mang tên ông Nguyễn Văn T để làm tin. Đến hạn vợ chồng ông T, bà T không trả được khoản tiền nợ đã vay và có khất nợ lại với vợ chồng ông về thời gian trả nợ sang đến năm 2019 thì sẽ trả hết số nợ cho vợ chồng ông. Đến hạn ông T không thanh toán được số tiền nợ cho vợ chồng ông, nên ngày 13/01/2020, ông T có viết lại giấy vay nợ với ông với nội dung ông T còn nợ vợ chồng ông số tiền gốc là 55.000.000 đồng và tiền lãi tính từ khi vay đến ngày 20/11/2018 (âm lịch) là 92.400.000 đồng và hẹn đến tháng 10/2020 sẽ trả hết khoản tiền nợ. Kể từ ngày vay tiền đến ngày 30/03/2020 (âm lịch) thì ông xác nhận đã nhận của ông T số tiền lãi là 50.000.000 đồng, số tiền vợ chồng ông T còn nợ lại là 97.400.000 đồng trong đó 55.000.000 đồng tiền gốc và 42.500.000 đồng tiền lãi. Do vợ chồng ông T không thực hiện đúng như giấy hẹn nên ông làm đơn khởi kiện tới Toà án yêu cầu vợ chồng ông T, bà T phải thanh toán trả vợ chồng ông số tiền còn nợ gốc là 55.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà ông và ông T thỏa thuận được với nhau về việc thanh toán khoản vay, cụ thể: Ông chỉ yêu cầu ông T, bà T trả cho ông số tiền nợ là 50.000.000 đồng tiền gốc, ông không yêu cầu ông T, bà T phải trả lãi của khoản tiền gốc, thời hạn trả tiền làm 03 lần:

- Lần 1: Ngày 01/02/2022 ông T, bà T trả ông số tiền 25.000.000 đồng;
- Lần 2: Ngày 01/02/2023 ông T, bà T trả ông số tiền 12.500.000 đồng;
- Lần 3: Ngày 01/02/2024 ông T, bà T trả ông số tiền 12.500.000 đồng.

Trong trường hợp ông T, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ một lần thì ông có quyền yêu cầu thi hành án hết số tiền ông T, bà T còn phải trả.

Án phí ông T, bà T chịu cả án phí.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và ông Phạm Văn H có quan hệ quen biết nhau, về việc ông H trình bày về thời gian vay nợ, số tiền vay nợ, lãi suất và thời hạn trả như trong đơn khởi kiện ông xác nhận là đúng. Tại phiên toà hôm nay ông đồng ý với ý kiến thỏa thuận như ông H đã trình bày, ông đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của ông và ông H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Th trình bày: Bà là vợ của ông H, những lời khai của ông H đã trình bày bà nhất trí và không có ý kiến gì khác.

Bà Nguyễn Thị T đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bà không cung cấp ý kiến của mình cho Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà T chưa chấp hành nghiêm chỉnh đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

Căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005

Căn cứ Khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Điều Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 158; khoản 3 Điều 228; Điều 246; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận tự nguyện của nguyên đơn là ông Phạm Văn H.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán trả ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị T số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn trả 03 lần:

- Lần 1: Ngày 01/02/2022 ông T, bà T trả ông số tiền 25.000.000 đồng;
- Lần 2: Ngày 01/02/2023 ông T, bà T trả ông số tiền 12.500.000 đồng;
- Lần 3: Ngày 01/02/2024 ông T, bà T trả ông số tiền 12.500.000 đồng.

Trong trường hợp ông T, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ một lần thì ông H có quyền yêu cầu thi hành án hết số tiền ông T, bà T còn phải trả.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền

kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản theo quy định của pháp luật. Tại phiên Tòa hôm nay bà T vắng mặt lần 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nội dung: Trong thời gian từ ngày 22/10/2011 (âm lịch) tức ngày 17/11/2011 ông Phạm Văn H cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T vay số tiền là 55.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy tiền, lãi suất do hai bên thỏa thuận ngoài, thời hạn trả không ấn định. Đến ngày 01/11/2018 (âm lịch) tức ngày 07/12/2018, ông T có viết giấy hẹn trả tiền cho ông H, hẹn đến hết năm 2019 trả tiền. Tuy nhiên, đến ngày trả tiền ông T không trả được nên lại viết giấy hẹn ngày 13/01/2020 với nội dung ông T còn nợ ông H 55.000.000 đồng tiền gốc và 42.500.000 đồng tiền lãi. Trong thời gian từ năm 2011 đến trước khi ông H khởi kiện ra Tòa án thì ông H xác nhận có nhận của ông T số tiền lãi là 50.000.000 đồng vào ngày 30/03/2020 (âm lịch) tức ngày 22/04/2020.

[2.2] Xét thỏa thuận của ông Phạm Văn H và ông Nguyễn Văn T tại phiên tòa, HĐXX thấy việc ông H và ông T thỏa thuận với nhau là hoàn toàn tự nguyện, thể hiện ý chí của hai bên không bị ai ép buộc và việc thỏa thuận này không trái đạo đức và quy định của pháp luật, nên HĐXX cần áp dụng Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự để chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn là ông Phạm Văn H, buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán trả ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị T số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn trả 03 lần:

- Lần 1: Ngày 01/02/2022 ông T, bà T trả ông số tiền 25.000.000 đồng;
- Lần 2: Ngày 01/02/2023 ông T, bà T trả ông số tiền 12.500.000 đồng;
- Lần 3: Ngày 01/02/2024 ông T, bà T trả ông số tiền 12.500.000 đồng.

Trong trường hợp ông T, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ một lần thì ông H có quyền yêu cầu thi hành án hết số tiền ông T, bà T còn phải trả.

Án phí ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T nhận chịu cả án phí.

[3] Về án phí: Do tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T nhận chịu cả án phí DSST nên cần buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông T, bà T là người cao tuổi nên theo Điều 11; 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông T, bà T được miễn án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 3 Điều 228; Điều 246; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 11, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận tự nguyện của nguyên đơn là ông Phạm Văn H.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán trả ông Phạm Văn H, bà Đỗ Thị T số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn trả 03 lần:

- Lần 1: Ngày 01/02/2022 ông T, bà T trả ông số tiền 25.000.000 đồng;
- Lần 2: Ngày 01/02/2023 ông T, bà T trả ông số tiền 12.500.000 đồng;
- Lần 3: Ngày 01/02/2024 ông T, bà T trả ông số tiền 12.500.000 đồng.

Trong trường hợp ông T, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ một lần thì ông H có quyền yêu cầu thi hành án hết số tiền ông T, bà T còn phải trả.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất

cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T được miễn án phí DSST.

Hoàn trả ông Phạm Văn H số tiền 2.435.000 đồng tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005179 ngày 28/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Công Định